

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Câu hỏi cho Người nộp đơn

ODP. IV:

Date :
Ngày

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you can not read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào Bảng câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng đầy đủ càng tốt. Nếu Bạn không đọc hoặc viết rành Anh ngữ được thì xin điền bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to :

Điền và gửi Câu hỏi này về

MRS KHUC MINH THO
PO. Box 1435 Arlington
Va. 22205-0635

U. S. A.

A. BASIC IDENTIFICATION DATA / Lý lịch căn bản.

1. Name : NGUYỄN THỊ AN Sex : Female.
Họ tên : Nữ
2. Other Name : Any
Họ tên khác :
3. Date/Place of birth : 1938 Ngọc Chúc, Rạch Giá.
Ngày/Nơi sinh :
4. Residence Address : Ngọc Trung Hamlet, Ngọc Chúc Commune,
Địa chỉ thường trú : Giồng Rieng District, Kien Giang Province
VIỆT NAM;
5. Mailing Address : Same as above.
Địa chỉ thư từ :
6. Current Occupation : Farmer.
Nghề nghiệp hiện tại :

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME / Bà con cùng đi với tôi.

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: married (M), divorced (D), widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ Ý: Chỉ có vợ/chồng và con độc thân mới có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	SEX	M.S.	RELATIONSHIP
1. NGUYỄN THỊ HÀNG	23.01.57 Ngọc Chúc KG	F	M	Daughter
2. NGUYỄN VĂN THO	19.08.59 id	M	M	Son
3. NG. VĂN TRẠCH	09.11.61 id	M	M	Son
4. NGUYỄN VĂN KIẾN	21.05.63 id	M	M	Son
5. NG. VĂN CHUYỀN	03.10.65 id	M	M	Son
6. NGUYỄN THỊ SÁU	12.07.67 id	F	M	Daughter

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates (marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), ID. Cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý: Cho mỗi người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần giấy khai sinh, hôn thú (nếu đã lập gia đình) giấy ly hôn (nếu đã ly dị), khai tử của vợ/chồng (nếu là góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với Bạn mà hiện nay không cùng chung ngụ thì xin kê khai địa chỉ của họ trong Phần I bên dưới.)

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM / Họ hàng ở nước ngoài.

	OF MYSELF của tôi	:	OF MY SPOUSE của vợ/chồng
1. Closest Relative in The U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ		:	
a. Name Họ tên	:	:	
b. Relationship Liên hệ gia đình	:	:	
c. Address Địa chỉ	:	:	
d. Date of Relative's Arrival in The U.S. Ngày Bà con đến Hoa Kỳ	:	:	
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác		:	
a. Name Họ tên	:	:	
b. Relationship Liên hệ gia đình	:	:	
c. Address Địa chỉ	:	:	

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead) / Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết).

1. Father Cha	:	NGUYỄN VĂN ỒU	(Dead)
2. Mother Mẹ	:	TRẦN THỊ OANH	(Dead)
3. Spouse Vợ/chồng	:	NGUYỄN VĂN NƯƠNG , Soldier (dead)	
4. Former Spouse (if any) Vợ/chồng trước (nếu có)	:	Any	
5. Children Con cái	:		
		(1) NGUYỄN THỊ HÀNG	Living at Châu Thành K. Giang
		(2) NGUYỄN VĂN TRƯ	Living at Ngọc Chúc, K. Giang
		(3) NGUYỄN VĂN TRẠCH	id
		(4) NGUYỄN VĂN KIẾN	id
		(5) NGUYỄN VĂN CHUYỀN	id
		(6) NGUYỄN THỊ SÁU	id
6. Siblings Anh Chị em:	ANY		
		(1) NGUYỄN THỊ HÀ , born 1936. Farmer at Long Thành Kien Giang.	

E. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION
OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công
của Chính Phủ Hoa Kỳ hoặc Hãng Mỹ.

1. Employee Name :
 Họ tên nhân viên
 Position Title :
 Chức vụ
 Agency/Company/Office :
 Sở/Hãng/Văn phòng
 Length of Employment : From : To :
 Thời gian làm việc Từ tới
 Name of American Supervisor :
 Tên họ giám thị Mỹ
 Reason for Separation :
 Lý do nghỉ việc
2. Employee Name :
 Họ tên nhân viên

 Reason for Separation :
 Lý do nghỉ việc
3. Employee Name :
 Họ tên nhân viên

 Reason for Separation :
 Lý do nghỉ việc

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE/ Bạn hoặc vợ/chồng
đã cộng vụ với Chính Phủ Việt Nam.

1. Name of Person serving : NGUYỄN VĂN MƯỜNG
 Họ tên người tham gia
2. Dates : From : 20.07.1970 To : 27.07.1971
 Ngày tháng năm Từ tới
3. Last Rank : Private E1 Mil. Serial No. : 881.416
 Cấp bậc cuối cùng Sở quan
4. Ministry/Office/Mil. Unit : Kiên Bình Sub-Section.
 Bộ/Sở/Đơn vị binh chủng
5. Name of Supervisor/C.O. :
 Họ tên giám thị/SQ Chỉ huy
6. Reason for Separation : Died at the gunfight with VC.
 Lý do nghỉ việc at 1.30 a.m. at WR:380.937
7. Names of American Advisor(s) :
 Tên họ của cố vấn Hoa Kỳ
8. U.S. Training Courses in Viet Nam :
 Các khoá huấn luyện của Mỹ tại VN.
9. U.S. Awards or Certificates
 Award Date Received :
 Phan thưởng/Giấy khen ngày nhận

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? NO.)

(CHÚ Ý: Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen hoặc chứng thư, nếu có. Bạn có không? KHÔNG.)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã được huấn luyện ở ngoài quốc.

1. Name of Student/Trainee :
Họ tên sinh viên/người thụ huấn

2. School and School Address :
Trường và địa chỉ Trường

3. Dates : From : To :
Ngày tháng năm Từ tới

4. Description of Courses :
Mô tả ngành học

5. Who paid for training ?
Ai đài thọ chương trình huấn luyện ?

(NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available.
Available ? Yes : ... No : X.)

(CHÚ Ý: Xin Bạn kèm theo bất cứ văn bằng hoặc chứng thư, nếu có.
Bạn có không ? Có: ... Không : X.)

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE/ Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo.

1. Name of Person in Re-Education :
Họ tên người được học tập cải tạo

2. Time in Re-education : From : To :
Thời gian cải tạo Từ tới

3. Still in Re-Education ? Yes : Không : X
Còn cải tạo không ? Còn

(If released, we must have a copy of your release certificate.)
(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại của Bạn.)

I. ANY ADDITIONAL REMARKS ? / Các chú phụ thuộc ?

- Six children were left after my husband's death for the country. They were given allowance. And they ~~will~~ could have been given until 1985.
- I wish I ~~be~~ could be given that allowance since April 1975 until now, so that I can afford pur life.

Signature : *an*
Ký tên

Date : Nov. 22nd, 1989
Ngày

J. ALL MY DOCUMENTS ENCLOSED / Tất cả hồ sơ đính kèm.

1. Photocopies of my 6 children's birth certificates.
2. Photocopy of my husband's death certificate.
3. Photocopy of 'Living-Together' Certificate
4. My husband's Death Certificate.
5. Military Curriculum Vitea.
6. Report of Chief of Kien Binh Sub-Section.
7. Administrative Certificate.
8. Photocopy of Decree granting for War Dead Wife (No.17359/QP.NQ.
9. Photocopy of Decree granting for War Dead Children No. 2503
10. Photocopy of Decree 18.584/QPNQ/TC
11. Photos.

VIỆT-NAM ĐỒNG-HÒA
THẺ CẦN-CƯỚC

Số

06581133

Họ Tên

NGUYỄN-THỊ-ÂN



Ngày, nơi sinh

1938

Ngọc-Chúc Bạch-Gia

Cha

Dù

Mẹ

Trần-thị-Cánh

Địa chỉ

h/2 Ngọc-Lợi Ngọc-Chúc

K/Đ (15-3)

Dầu vật liệu:

Chăm sóc trên ^{H.}giữa này
phải.

Cao: 1 th 52

Nặng: 14. Kg

Chữ ký đương sự:

Kien-Giang ngày 21-07-1970

Phó-Ty Cảnh-Sat Quốc-Gia

[Signature]

LƯU NGHĨA-HIỆP

Ngón trỏ

Ngón trỏ trái

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Ngọc-Chải

(Extrait du registre des actes de naissance)

Tỉnh KIENGIANG

(NAM-PHÂN)

(Sud Viêt - Nam)

NĂM 1967

(Année)

SỐ HIỆU 52

(Acte No)

Tên họ đứa con nit (Nom et prénom de l'enfant)	Đo án văn số 3231 ngày 21-7-1971 đã trước bạ. Toà Hoà Giải Hồng-quyền KiênGiang tuyên án như sau : Chứng nhận Nguyễn-văn-Nương và Nguyễn- thị-An nhân Nguyễn-thị-Sáu là con. Phán rằng : <u>Nguyễn-thị-Sáu, nữ,</u> sinh ngày 12-7-1967 tại xã Ngọc-Chải (KiênGiang) con chánh thực hóa của Nguyễn-văn-Nương và Nguyễn-thị-An. Phán rằng : án này theo vì khai sinh cho Nguyễn-thị-Sáu.-/-
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	
Sanh ngày nào (Date de naissance)	
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	
Cha làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	

Trích y bản chánh,

(Fait extrait conforme)

KIENGIANG, ngày 11/5/ 1972

CHÁNH LỤC-SỰ,

(LE GREFFIER EN CHIEF)



Nhan-dung-Trử

Giá tiền : 15000

(Cont)

Biên-lai số : 6761

(Quittance No)

(GREFFE DU TRIBUNAL DE)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Làng Ngọc-Chức

Tỉnh KIÊN GIANG

(NAM-PHẦN)

(Sud Viêt - Nam)

NĂM 1965
(Année)

SỐ HIỆU 19
(Acte No)

Tên họ đứa con nit (Nom et prénom de l'enfant)	Đã an văn số 3231 ngày 21-7-1971 đã trước bạ, Tòa Hòa Giải Nông-quyền KiênGiang tuyên an như sau : Chứng nhận Nguyễn-van-Ngọc và Nguyễn- thị-An nhân Nguyễn-van-Chuyên là con.
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	
Sanh ngày nào (Date de naissance)	
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Phản rằng : Nguyễn-van-Chuyên, nam, sinh ngày 3-10-1965 tại xã Ngọc-Chức (KiênGiang) con chánh thức hôn của Nguyễn-van-Ngọc và Nguyễn-thị-An. Phản rằng: con này theo vì khai sinh cho Nguyễn-van-Chuyên./-
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	
Cha làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	

Trích y bản chánh,

(Pour extrait conforme)



Ngày 11/5/ 19 72

CHÁNH LỤC-SỰ,
(GREFFIER EN CHEF)

Nhan-dang-Trử

Giá tiền : 15000

(Cout)

Biên-lai số : 6761

(Quittance No)

(GREFFE DU TRIBUNAL DE)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH *Làng Ngạc-Chức*
(Extrait du registre des actes de naissance)

Tỉnh KIENG GIANG

(NAM-PHÂN)
(Sud Viêt - Nam)

NĂM *1963*
(Année)

SỐ HIỆU *26*
(Acte No)

Tên họ đứa con nit (Nom et prénom de l'enfant)	Do án văn số 3231 ngày 21-7-1971 đã trước bạ, Toà Hòa Giải Hạng-quyền KiênGiang tuyên án như sau : Chúng nhận Nguyễn-văn-Hương và Nguyễn- thị-An nhận Nguyễn-văn-Kiến là con. Phán rằng : <u>Nguyễn-văn-Kiến</u> , nam, sinh ngày 21-5-1963 tại xã Ngạc-Chức (KiênGiang) con chính thức hôn của Nguyễn-văn-Hương và Nguyễn-thị-An. Phán rằng : án này thế vì khai sinh cho Nguyễn-văn-Kiến.-/-
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	
Sanh ngày nào (Date de naissance)	
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	
Cha làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme-mariée)	

Nay lược biên

KiênGiang, ngày 2-11-1971

Chánh Lục-Sự,

Ấn ký : *Nhan-đang-Trử*

Trích y bốn chánh,
(Pour extrait conforme)

KIENG GIANG, ngày *11/5/* 19*72*



CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER DU CHET)

Nhan-đang-Trử

Giá tiền *1500*
(Cout)

Biên-lai số *6761*
(Quittance No)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Ngạc-Chức

(Extrait du registre des actes de naissance)

Tỉnh KIANGIANG

(NAM-PHÂN)

(Sud Viêt - Nam)

NĂM 1961

(Année)

SỐ HIỆU 59

(Acte No)

Tên họ đứa con nit (Nom et prénom de l'enfant)	Do án văn số : 3231 ngày 21-7-1971 đã trước bạ, Toà Hòa Giải Hạng-quyền KiênGiang tuyên án như sau : Chúng nhận Nguyễn-văn-Nương và Nguyễn- thị-An nhận Nguyễn-văn-Trạch là con.
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Phân rằng : <u>Nguyễn-văn-Trạch</u> , nam,
Sanh ngày nào (Date de naissance)	sinh ngày 5-11-1961 tại xã Ngạc-Chức (KiênGiang) con chánh thực hóa của Nguyễn-văn-Nương và Nguyễn-thị-An.
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Phân rằng : án này thế vì khai sinh cho Nguyễn-văn-Trạch./-
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nay lược biên
Cha làm nghề gì (Sa profession)	KiênGiang, ngày 2-11-1971
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Chánh Lục-Sự,
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	án ký : Nhan-đăng-Trủ
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	

Trích y bản chánh,

(Pour extrait conforme)

KIANGIANG

ngày

11/5/

1972

CHÁNH LỤC-SỰ,

(LE GREFFIER EN CHEF)



Nhan-đăng-Trủ

Giá tiền : 1500

(Cour)

Biên-lai số : 6761

(Quittance No)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Ngoc-Chiêu

(Extrait du registre des actes de naissance)

Tỉnh KIÊN GIANG

(NAM-PHẦN)

(Sud Viêt - Nam)

NĂM 1959

(Année)

SỐ HIỆU 78

(Acte No)

Tên họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Do án văn số 3231 ngày 21-7-1971 đã trước bạ, Tòa Hòa Giải Hạng-Quyền Kiên Giang tuyên án như sau :
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Chúng nhận Nguyễn-văn-Hương và Nguyễn- thị-An nhân Nguyễn-văn-Trử là con.
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Phán rằng : <u>Nguyễn-văn-Trử</u> , nam, sanh ngày 19-8-1959 tại xã Ngoc-Chiêu (Kiên- Giang) con chánh thức hóa của Nguyễn-văn-Hương và Nguyễn-thị-An.
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Phán rằng : an nay theo vì khai sanh cho Nguyễn-văn-Trử. /-
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	
Cha làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	
	May lược biên Kiên Giang, ngày 2-11-1971 Chánh Lục-Sự, Ấn ký : Nhan-dung-Trử

Trích y bản chánh,

(Pour extrait conforme)

KIÊN GIANG, ngày 11/5/ 19 72

CHÁNH LỤC-SỰ

(Greffier en Chef)



Nhan-dung-Trử

Giá tiền : 1500

(Coup)

Biên-lai số : 6761

(Quittance No)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Ngạc-Chức
(Extrait du registre des actes de naissance)

Tỉnh Rạch-Gia

(NAM-PHẦN)
(Sud Viêt - Nam)

NĂM 1957
(Année)

SỐ HIỆU 3
(Acte No)

Tên họ đứa con nit (Nom et prénom de l'enfant)	Đo án văn số 3231 ngày 21-7-1971 đã trước bạ, Toà đơn giải Rộng-quyền Kiên Giang tuyên án như sau : Chúng nhận Nguyễn-văn-Nương và Nguyễn- thị-An nhận Nguyễn-thị-Hằng là con. Phán rằng : <u>Nguyễn-thị-Hằng</u> , nữ, sinh ngày 23-01-1957 tại xã Ngạc-Chức (Rạch- Gia) con chánh thức hóa của Nguyễn-văn-Nương và Nguyễn-thị-An. Phán rằng : <u>án này theo vikhai</u> <u>sinh cho Nguyễn-thị-Hằng./-</u>
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	
Sanh ngày nào (Date de naissance)	
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	
Cha làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	

Trích y bản chánh,
(Fait extrait conforme)

KIENGIANG ngày 11/5/ 1972

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



Nhan-dung-Trử

Giá tiền : 15000
(Cout)

Biên-lai số 6761
(Quittance No)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

Kiên-Giang.

QUẬN Kiên-Bình.

XÃ Ngọc-Chúc.

Số hiệu : 70.

TRÍCH - LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THƯ

Tên, họ người chồng Nguyễn-văn-Nường.

nghe nghiệp Quân nhân.

sinh ngày // tháng // năm 1936

tại Xã Ngọc-Chúc (Bạch-Gĩa)

cư-sở tại Nghĩa Quân Xã Ngọc-Chúc.

tạm-trú tại Ngọc-Chúc.

Tên, họ cha chồng Nguyễn-văn-Đốc (chết)

(Sống chết phải ghi rõ) Trần-thị-Xây (chết)

Tên, họ mẹ chồng

(Sống chết phải ghi rõ) Nguyễn-thị-Ẩn.

Tên, họ người vợ

nghe-nghiep Làm-Ruộng.

sinh ngày // tháng // năm 1938.

tại Xã Ngọc-Chúc (Bạch-Gĩa)

cư-sở tại Ngọc-Chúc.

tạm-trú tại Ngọc-Chúc.

Tên, họ cha vợ Nguyễn-văn-Cú (sống) 59 tuổi.

(Sống chết phải ghi rõ) Trần-thị-Oanh (chết)

Tên, họ mẹ vợ

(Sống chết phải ghi rõ) Hai mươi hai, tháng mười, năm một ngàn chín

— Ngày cưới trăm bảy mươi

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế //

ngày // tháng // năm //

tại

TRÍCH Y BỘ CHÁNH:

NGỌC-CHÚC ngày 26 tháng 02 năm 1973.

XÃ-TRƯỞNG Viên Chức Hộ tịch.



Bau
Liêng Khinh-Bách

TỬ

Người chết : (Tên họ)	NGUYỄN-VĂN-NUÔNG
Nghề-nghiep :	Quân-Nhân
Cư-trú tại :	Nghĩa-Quân, Ngọc-Chúc
Sanh ngày :	Năm 1936
Tại :	Xã Ngọc-Chúc (Rạch Giá)
Chưa có chồng, vợ hay là góa chồng vợ (Kê tên họ nếu có)	Nguyễn-Thị-Ấn
Người chồng hay vợ làm nghề gì :	Làm ruộng
Cha : (Tên họ)	Nguyễn-văn-Độc (chết)
Mẹ : (Tên họ)	Nguyễn-Thị-Xây (chết)
Chết ngày :	Đêm 26 rạng 27 tháng bảy năm một ngàn chín trăm bảy mươi
Chết tại :	Đồn Cà-Lý Xã Ngọc-Chúc
Ngày khai :	Ngày 29 tháng 7 năm 1971
Người khai : (Tên họ)	Nguyễn-thị-ấn
Người khai mấy tuổi :	Ba mươi ba
Nghề-nghiep :	Làm ruộng
Cư-trú tại :	Xã Ngọc-Chúc
Người chứng thứ nhất : (Tên họ)	Danh-Khuôl
Mấy tuổi :	Năm mươi bốn
Nghề nghiệp :	Làm ruộng
Cư-trú tại :	Xã Ngọc-Chúc
Có phải là bà con hoặc ở gần Người chết phải nói rõ :	Ở xóm
Người chứng thứ nhì : (Tên họ)	Dương-văn-Hiền
Mấy tuổi :	Bốn mươi lăm
Nghề nghiệp :	Làm ruộng
Cư-trú tại :	Xã Ngọc-Chúc
Có phải là bà con hoặc ở gần phải nói rõ :	Ở xóm

(1) Lễ chưa dè mà lược
biên án tòa cái khai tử lại.

KIẾN-THỊ :

XÃ-TRƯỞNG



Cán bộ - Thủ tục

Người khai,
Nguyễn-Thị-ấn
(Ký tên)

Hộ-lại,
(Ký tên)
DUYNG-VAN-HAI

Nhân chứng,

1 - Danh-Khuôl

Lăng tay,

2 - Dương-văn-Hiền
(Ký tên)

TRÍCH Y BẢN CHÍNH LƯU TẠI XÃ

NGOC-CHUC, ngày 30 tháng 9 năm 1971
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

PHẢI NHỚ. — Chỗ trống không đúng tôi phải kéo qua một nét.

Dương-văn-Hải

CHỨNG-THƯ HÀNH-CHÁNH

ĐƠN-VỊ THIẾT-LẬP

KBC. 467

PHẦN I. - QUÂN-VỤ và HỘ-TỊCH (SQ/LTNV lập)

1.- HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN HƯNG 2.- CẤP-BẬC: TÂN/BA 3.- SỐ QUÂN: 11/601.416

4.- THẺ CĂN-CƯỚC DÂN-SỰ: Số _____ Cấp tại _____ Ngày _____

5.- CNQS: _____ 6.- Ngày sinh: 1936 Nơi sinh: thị trấn Chợ, (Kien Giang)

7.- NHẬP NGŨ VÀO QLVNCH NGÀY: 20-07-1970 Với tư cách: Thiếu tá
Tiền quân vụ: 01 năm, 1 tháng, 07 ngày Từ: 20-07-1970 Đến: 20-07-1971

8.- GIÁN ĐOẠN QUÂN-VỤ: - Từ: _____ Đến: _____ Lý do: _____
- Từ: _____ Đến: _____ Lý do: _____

9.- GIẢI NGŨ NGÀY: _____ Lý do: _____
Lý do: _____

10.- LÝ DO LẬP CHỨNG THƯ HÀNH-CHÁNH

a)- ☒ Nạp vào hồ-sơ trợ-cấp tử-tuất : ☐ Đương sự bị phế-tật
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng phê-bình : ☐ Đương sự bị mất tích
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng quả phụ : ☒ Đương sự tạ-thể
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng tổ phụ : _____ Ngày: 27 tháng 07 năm 1971 tại thị trấn Chợ, (Kien Giang)
☐ Nạp vào hồ-sơ cấp-dưỡng cô-nhi : _____
☐ CTIC được cấp cho người thừa kế : _____ Lý do: thực hiện chính sách với Việt Cộng
☐ CTIC được cấp cho người giám hộ : _____
Họ tên và địa-chỉ: thị trấn Chợ, quận Kiên Bình (Kien Giang)
☐ Có qui trách công-vụ ☐
☐ Không qui-trách công-vụ ☐

b)- Lý do khác: _____

11.- HỌ TÊN CHA MẸ: Ông NGUYỄN VĂN HƯNG Sinh ngày: _____ (sống) (chết)
Bà TRẦN THỊ XÂY Sinh ngày: _____ (sống) (chết)

12.- GIA CẢNH: ☐ Độc thân ☐ Có vợ ☐ Góa vợ Số con: 11 con

13.- NGƯỜI HÔN PHỐI: Họ và tên: NGUYỄN THỊ AN Sinh ngày: 1936
Nơi sinh: thị trấn Chợ, (Kien Giang) Nghề nghiệp: Mỹ-tro
Địa chỉ: thị trấn Chợ, quận Kiên Bình (Kien Giang)
☒ Trích-lục hôn thú ☐ Chứng thư thế-vì hôn thú ☐ Ấn thể vì hôn-thú
Số hiệu: 70 Đăng ký ngày: 20-10-1970 tại: thị trấn Chợ, (Kien Giang)

14.- CHI TIẾT VỀ CÁC CON CÒN SỐNG (kể cả con thành-niên)

HỌ TÊN (a)	Ngày sinh (b)	Trái, gái (c)	Loại con (d)	VĂN KIẾN THAM CHIẾN			
				Loại (e)	Số (f)	Ngày (g)	Nơi Đăng ký

PHẦN II. CHIẾT TÍNH LƯƠNG BỔNG và TRỢ CẤP (SƠ TÀI-CHÍNH LẬP)

15. - LƯƠNG THÁNG CUỐI CÙNG CỦA ĐƯƠNG SỰ: Cấp bậc Đại Úy / Học Bạc lương I Chỉ số lương 1
 Phụ cấp gia đình 00 00 Vợ với số con 4 Phụ cấp đất đỏ vùng THẤP
 (ngoại trừ phụ cấp chức-vụ, giao-tế phí và nguy hiểm) thành tiền là (viết số lập lại toàn bằng chữ) NAM NGÂN ĐON
TRAM SAU MUOI DONG CHAN
 Chiết tính như sau:
 - Lương căn bản 4.2000
 - Phụ cấp vợ 3033
 - Phụ cấp con 3000
 - Phụ cấp đất đỏ
 - Tăng khoản tạm thời
 - Phụ cấp khác (nếu có)
 CỘNG: 5.460000

LƯƠNG BẢN THÂN:

- Lương căn bản
 - (kể cả phụ-khoản chuyên môn)
 - Phụ-cấp đất đỏ
 - Tăng khoản tạm thời
 - Phụ-cấp đặc-biệt
 CỘNG:

PHỤ-CẤP VỢ CON:

- Phụ cấp vợ
 (GD+DD+TKTT)
 (Phụ cấp con)
 (GD+DD+TKTT)
 CỘNG:

16. - TRỢ CẤP TỬ TUẤT: (Toàn thê hay tức thời) Toàn Thê (bằng một hoặc hai hoặc mười hai) 12
 Lần số lương tháng cuối cùng chiết tính nơi Mục 15, thành tiền là SAU MUOI LAN NGAN
 (Viết số lập lại toàn bằng chữ) NAM TRAM HAI MUOI DONG CHAN
 đã được ứng trả trước ngày 05 tháng 12 năm 1971 (tên họ) Vo : NGUYEN THI AN

(Chiếu HT số 3761/OL/TCTT/HCI/A ngày 26-3-1965)

PHẦN III. CHỨNG THỰC

17. - CHỨNG THỰC PHẦN I (của Trưởng-Phòng TCT hay Nhân-viên Đại Úy) Đại Úy TRAN PHUNG VUONG Sĩ Quan Phụ tá
 (Cấp bậc) Đại Úy (Họ tên) TRAN PHUNG VUONG
 (Chức vụ) Trưởng Phòng Tổng Quan Trị Ngày 02-09-1971

18. - CHỨNG THỰC PHẦN II (của Sĩ-Quan Tài-Chánh) Đại Úy NGUYEN VAN HAN
 (Cấp bậc) Đại Úy (Họ tên) NGUYEN VAN HAN
 (Chức vụ) Sĩ quan Tài Chánh Ngày 8/9/71

19. - CHỨNG THỰC CỦA ĐƠN-VỊ TRƯỞNG TỰ TRỊ HÀNH-CHÁNH TRUNG TÂM TO VAN VAN
 KBC. 4667, ngày 8 tháng 9 năm 1971
 CẤP BẬC, HỌ TÊN và CHỨC-VỤ
Đieu Khu Trưởng TL.Kien Giang.
 Chữ ký ấn dấu

11) AN TƯỚNG MẠO VÀ QUÂN-VỤ.

Đơn vị: (Tiểu-Khu Kiên-Giang.
(Phòng Tổng Quản trị.

Chủ Cố T1/ĐT /NQ NGUYEN-VAN-XUONG số quân: HQ/881.416.

Trích lục theo Quân bạ Lý lịch đương sự.

Họ	Tên	:	Nhận	dạng.	
Sinh ngày	1936	tại	Ngọc-Chúc.	:	Tổc
Quận	/	:	Hết	:	Hết
Tỉnh	Rạch-Gia.	:	Trần	:	Mũi
Nghề-nghiệp	Lăn-Ruộng.	:	Khuôn mặt	:	
Con của Ông	NGUYEN VAN DOC	(C)	:		
Và bà	TRAN-THI-XAY	(C)	:		
Ngay tại	//	:	Cao OI Th	:	
Quận	//	Tỉnh	//	:	
Kết hôn ngày	//	Với cô	Nguyễn-thị-An.	:	Dấu tích đặc biệt
Ngay tại	Xã Ngọc-Chúc,	:		:	
Quận	Kiên-Bình, Tỉnh Kiên-Giang.	:		:	

Nguyễn lai Bình nghiệp

Quân vụ liên tiếp.

- Tình nguyện gia nhập vào Nghĩa-Quân một thời hạn là 48 tháng, với cấp bậc đội viên N/Q Kể từ ngày 20-7-70. Trước Thiếu-Tá Tiểu-Khu Phó Kiên-Giang.

- Được cử hiện phục vụ trong Phạm-vi Chi khu Kiên-Bình Kiên-Giang.

- Tử trận ngày 27-7-1971. vào lúc 01 giờ 30 phút tại tọa độ WR:380.937 thuộc chi-khu Kiên-Bình.

- Trong trường hợp phục kích chạm súng với Việt-Cộng. do BCTT số: 6865/TKKG/P.TQT/BCTT. ngày 10-8-1971. của Tiểu-Khu Kiên-Giang.

- Được quy trách công vụ, và được truy bổ chức vụ Tiểu-Đội Trưởng NQ Kể từ ngày 27-7-71. do quyết định số: 7568/TKKG/P.TQT/QĐ/ngày 28-8-71 của Tiểu-Khu Kiên-Giang.

- Được xóa tên trong danh bộ đơn vị HQ/QLVNCH. kể từ ngày chết.

Chiến dịch : Tuyên dương công trạng.

// // : // //

Thương tích : Huy Chương

// // : // //

// : //

DÀ XEM:

Thiếu-Tá TRINH-VAN-BA.

KBC.4667. ngày 29 tháng 10 năm 1971.

Tham mưu trưởng.

NGUYEN-THUC.

(ấn ký)

C/U NGUYEN-THI-HIA.

(Ký tên)

Số: 97/HQ-3.

- Giám sát sao y bản chính
xuất trình tại UBHC Xã. /-

Ngày: 29 tháng 11 /1972



THÀNH-BACH

44

AN TƯỚNG MẠO VÀ QUÂN-VỤ.

Đơn vị: (Tiểu-Khu Kiên-Giang
(Phòng Tổng Quản trị.

Của Cố TL/VT /HQ NGUYEN-VAN-VUONG số quân: HQ/881.416.

Trích lục theo Quân bạ Lý lịch đương sự.

Họ	Tên	:	Nhận	đang.	
Sinh ngày	1936	tại	Ngọc-Chúc.	:	Tổc
Quận	/	:	Mất		
Tỉnh	Ngọc-Dĩa.	:	Trần		
Nghề-nghiệp	Làm-Ruộng.	:	Mũi		
Con của Ông	NGUYEN VAN DOC	(C)	:	Khuôn mặt	
Và bà	TRẦN-THI-XAY	(C)	:		
Ngụ tại	//	:	Cao OI Th		
Quận	//	Tỉnh	//	:	
Kết hôn ngày //	Với cô Nguyễn-thị-An.	:	Dấu tích đặc biệt		
Ngụ tại Xã	Ngọc-Chúc,	:			
Quận	Kiên-Bình, Tỉnh Kiên-Giang.	:			

Nguyên lai Bình nghiệp

Quân vụ liên tiếp.

- Tính nguyện gia nhập vào Nghĩa-Quân một thời hạn là 48 tháng, với cấp bậc đội viên N/Q Kể từ ngày 20-7-70. Trước Tiểu-Tả Tiểu-Khu Phá KiênCHT/ĐPQ-NQ. Tiểu-Khu Kiên-Giang.
- Đường sự hiện phục vụ trong Phạm-vi Chi khu Kiên-Bình Kiên-Giang.
- Tử trận ngày 27-7-1971. vào lúc 01 giờ 30 phút tại tọa độ WR:380.937 thuộc chi-khu Kiên-Bình.
- Trong trường hợp phục kích chặn súng với Việt-Cộng. do BCTT Số: 6865/TKKG/P.TQT/BCTT. ngày 10-3-1971. của Tiểu-Khu Kiên-Giang.
- Được gụy trách công vụ, và được truy bổ chức vụ Tiểu-Đội Trưởng HQ Kể từ ngày 27-7-71. do quyết định số: 7538/TKKG/P.TQT/QĐ/ngày 28-8-71 của Tiểu-Khu Kiên-Giang.
- Được rớt tên trong danh bộ đơn vị HQ/QLVNCH. kể từ ngày chết.

Chiến	dịch	:	Tuyên	dương	công	trạng.
//	//	:	//	//		
//		:	//			
Thương	tích	:	Huy	Chương		
//	//	:	//	//		
//		:	//			

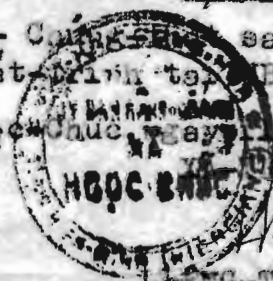
BẢ XEM:

Thiếu-Tả TRINH-VAN-BÁ.
Tham mưu trưởng.
(ấn ký)

HQC.4667. ngày 29 tháng 10 năm 1971.
NHÂN-THỰC.
C/N NGUYEN-THI-HYÁ.
(Ký tên)

Số: 92/HC-3

- Căn cứ theo sao y bản chính
xuất trình tại BHC Xã./-
Ngọc-Chúc ngày tháng 11 /1972



LENG-THÀNH-BÁCH

TRUNG TA - TRINH

-----cc000-----

TIEU KHU GIANG
BCH. CHI KHU BINH

So : 4667 /CKKB/BI/PT

Thieu Ta HO VAN HOI
CHI KHU TRUONG CHI KHU KIEN BINH

Kinh goi :

TRUNG TA TIEU KHU TRUONG TIEU KHU KIEN GIANG

- KBC. 4667 -

(PHONG I + PHONG T.A.T)

Trich yeu : V/v Bao cao O2 Nghia Quan tu tran, O3 Nghia Quan mat tich,
O1 Nghia Quan tau thoat .

Tham chieu : CD so 4667 / B3, ngay 28 . . 7 . . 71 . của Chi Khu Kien-Binh .

Tran trong kinh trình TRUNG -TA .

Hoi 27.01.30H/07/71 . O2 Tieu Doi Nghia Quan thuc Trung Doi KGG 172 Xa Ngoc Chuc . Di phuc kich chon sung voi 62 Trung Doi Viet Cong tai WR. 380,937 . Sau 45 phut giao tranh Phao binh Chi Khu Kien Binh ket qua hen ta cu O2 Nghia Quan tu tran O3 Nghia Quan mat tich O1 Nghia Quan tau thoat .

1.- tat	DANH CA HOM	so quan	826.158	tu tran .
2.- TT	DANH KHEM	-	861.718	-
3.- CTV	Dao - Muoi	-	861.693	-
4.- N.Q	Ly van Hon	-	881.400	-
5.- -	Danh - Son	-	904.847	-
6.- -	Danh - Tot	-	881.936	-
7.- -	Nguyen van Luu	-	881.406	-
8.- -	Nguyen van Muong	-	881.416	-
9.- -	Pham van Hung	-	881.430	Mat tich
10.- -	Thuyet van Luong	-	881.401	-
11.- -	Tran van Co	-	881.425	-
12.- -	Tran van The	-	881.427	Chay tau thoat tro ve

Vu khi ta mat O4 khau M. 16 va J. May H.T 1 . Dich khong ro .

Tran trong Kinh trình TRUNG TA . /-

CHI KHU TRUONG,

Thieu Ta HO VAN HOI

Tỉnh Kiên-Giang
Quận Kiên-Bình
Xã Ngọc-Chức

Việt-Nam Cộng-Hòa

TỜ CHỨNG NHẬN SỐNG CHƯNG

Số: 42 /HCX

Chúng tôi Ủy-Ban Hành-Chánh Xã Ngọc-Chức
Quận Kiên-Bình, Tỉnh Kiên-Giang

- CHỨNG-NHẬN -

Bà Nguyễn-thị-Ấn, sinh năm 1938 tại Xã Ngọc-Chức (Rạch-Gĩa) căn-cước số: 06581133 cấp tại Kiên-Giang, ngày 21-7-70. Là Vợ chánh-thức của Cố Nguyễn-Quân Nguyễn-văn-Mương, sinh năm 1936 tại Xã Ngọc-Chức (Rạch-Gĩa) theo hôn-thú bậc nhất số hiệu: 70 ngày lập tại Xã Ngọc-Chức, ngày 12-11-1970 ~~sách~~ Vợ, chồng có hạ sinh tại Xã Ngọc-Chức (Kiên-Giang) 06 con kể ra dưới đây:

1. - Nguyễn-thị-Hằng (nữ) sinh ngày 23-01-~~1977~~ 1957
k/sanh số: 3
2. - Nguyễn-văn-Trú (nam) - 19-8-1959
k/sanh số: 78
3. - Nguyễn-văn-Trạch (nam) - 05-11-1961
k/sanh số: 59
4. - Nguyễn-văn-Kiến (nam) - 21-5-1963
k/sanh số: 26
5. - Nguyễn-văn-Chuyên (nam) - 03-10-1965
k/sanh số: 19
6. - Nguyễn-thị-Sáu (nữ) - 12-7-1967

Sáu (06) con hiện đang sống dưới sự bảo trợ của bà Nguyễn-thị-Ấn có đến trình diện trước mặt chúng tôi ngày hôm nay và đồng cư ngụ tại địa-chỉ số: 44/2 Ấp Ngọc-Chức, Xã Ngọc-Chức, Quận Kiên-Bình, Tỉnh Kiên-Giang.

Chiếu theo giấy tờ hộ-tịch trên nay chúng tôi cấp Tờ Chứng-nhận này cho bà Nguyễn-thị-Ấn để chấp chiếu và tùy-nghị tiện dụng.

Làm tại Ngọc-Chức, ngày 5 tháng 5 /197

XÃ-TRƯỞNG.



[Handwritten signature]

**BỘ CỰU CHIẾN - BINH
NHA HƯU - BỔNG
VÀ CẤP-DƯỠNG**

ss 18584

- Chiếu luật số 08/70 ngày 09 tháng 7 năm 1970 và các văn bản quy định chế độ cấp dưỡng các phổ binh và gia đình tử sĩ

NG 1-DINH

Ngày và nơi sinh

1941

La (7)

Cấp bậc

दा (2)

[illegible]

Được hưởng một khoản cấp dưỡng hàng năm 2 triệu 500 nghìn đồng

CỔ ĐƠN VỊ THEO CẤP BẬC		HẠNG CẤP DƯỚI	
Từ	đến	thân nhân	(bằng chữ)
Từ 28-7-72	đến		
Từ 28-7-72	đến	78904	bay ngàn tam trăm chín mươi
Từ	đến		
Từ	đến		
Từ	đến		
Từ	đến		

Điền 2. — Điền 17. Vào chỗ trống TA

Nghị định này

KỶ LĂNG TIỀN LẦN THỨ NHẤT

62 200187-46

১৬ এপ্রিল

khấu trừ hay cộng thêm

chủ trương lãnh



Saigon, 10/12/1971

T.U.N. TỔNG TRƯỞNG CƯU CHIẾN BINH

TRUNG TÒ PHAN-YÂN-TINH

NĂM	1 tháng 1	1 tháng 4	1 tháng 7	1 tháng 10
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				

CHÚ THÍCH DÀNH RIÊNG CHO SỞ CẤP DƯỠNG

(1) Quà Phụ, Tờ Phụ, Giám Hộ Cờ Nhì, Giám Hộ Quốc gia Nghĩa Tử hoặc chính Phế Bính.

(2) Tử trận, tử nạn, tử bệnh, mất tích hoặc xác nhận tàn phế.

KIỂM SOÁT VIÊN CHUNG KẾT

Họ và tên _____

Ngày _____

Ký tên,

CHỨNG NHẬN GIAO NGHỊ ĐỊNH MẪU B

và SỞ CẤP DƯỠNG Quà-Phụ số 18524/QP ngày 24-12-1971

Người nhận

Họ và tên NGUYỄN-THỊ-ÂN

Căn-cước số 06581133

Cấp ngày 21-7-1970 tại Kiên-Giang

Ký tên hoặc diềm chỉ,

ân

Người giao

Họ và tên PHẠM-VĂN-THÀNH

Chức vụ TRƯỞNG

Kiên-Giang ngày 04-02-1972

Ấn Kí

Phạm Văn Thành

PHẠM-VĂN-THÀNH

Độc - Quyền

VIỆT - NAM CỘNG HÒA

TỔNG TRƯỞNG CỰ CHIẾN BINH

BỘ CỰ CHIẾN BINH
NHÀ HƯU BỔNG
VÀ CẤP DƯỠNG

- Chiều luật số 08/70 ngày 09 tháng 7 năm 1970 và các văn bản quy định về cấp dưỡng các phe binh và gia đình họ
- Chiều Nghị định cấp dưỡng số 18584 ngày 24.12.71

Số 18584/CPHQ/TC / B1

NGHỊ ĐỊNH TƯ CHÍNH

Điều 1. Ông (Bà)

NGUYỄN THỊ AN

Ngày và nơi sinh 1938

Địa chỉ 44/2 Nguyễn Ngọc Ký

Căn 06581133 ở tại 4 tầng

La (1)

La (2)

Nay được hưởng cấp dưỡng kể từ ngày 28.7.71

đến theo GIÁ-BIỂU TƯ-CHÍNH như sau

Tên thân nhân được cấp dưỡng thêm	Ngày sinh	Được hưởng đến
NGUYỄN THỊ HANG	21.1.57	21.1.75
NGUYỄN VĂN THỦY	19.8.59	28.8.77
NGUYỄN VĂN TRẠCH	5.11.61	4.11.79
NGUYỄN VĂN KIỆT	21.5.63	20.5.81
NGUYỄN VĂN CHUYỀN	3.10.65	2.10.83
NGUYỄN THỊ SÁU	12.7.67	11.7.85

CẤP DƯỠNG TÍNH THEO CẤP BẠC

hạng 1 (Phổ độ)

Từ đến

Từ 28.7.71 đến

Từ đến

Từ

Từ

Từ đến

Ngân khoản cấp dưỡng hàng tam cá nguyệt là:

Số thân nhân	(bằng số)	(bằng chữ)
--------------	-----------	------------

06 118504 - một nửa ngân khoản lương của ông

Số tiền được lãnh tại phiếu số

Điều 2. Ông Lê Văn Phòng, Tổng Thư Ký, Giám Đốc Nha Giám Đốc và Elio Dương chịu nhiệm vụ thi hành

Nghị định này.

CHỖ CHỮ: "Đường" được thay thế, để lại

trở lại số tiền tại mặt GB

từ 28.7.71 đến 31.3.72

ở tại địa chỉ

Số tiền 1320

Còn lại công quỹ

Số 0. Tổng Giám Đốc Nha kế toán trả cho

trên và cấp dưỡng



CHỦ THÍCH DÀNH RIÊNG CHO SỞ CẤP DƯỠNG		KIỂM SOÁT VIÊN CHUNG KẾT	
(1) Quả Phụ, Tờ Phụ, Giám Hộ Có Nhi, Giám Hộ Quốc gia Nghĩa Tử hoặc chính Phế Bính.		Họ và tên	
		Ngày	
			Ký tên
(2) Tử trận, tử nạn, tử bệnh, mất tích hoặc xác nhận tàn phế.			

CHUNG NHÂN GIAO NGHỊ ĐỊNH MẪU Đ

và SỞ CẤP DƯỠNG QUẢN-TRƯỞNG số 18584 ngày 31-7-1972

Người nhận

Người gico

Họ và tên: NGUYỄN-THỊ-ÂN
 Căn cước: 06581193
 Cấp ngày: 21-7-70 tại: Kiên-Giang

Họ và tên NGUYỄN-KIM-HƯỜNG-HOÀ
 Chức vụ TRƯỞNG-TY NỘI-AN QUÂN-VU
 Nơi-Giang ngày 12-10-1972

Ký tên hoặc điểm chỉ.

Κύ

VIỆT-NAM CONG-HOA

BỘ CỤC CHIẾN-BÍNH
NHA HƯU-BỔNG
VÀ CẤP-DƯỠNG

TỔNG TRƯỞNG CỤC CHIẾN BÍNH

- Chiếu luật số 08/70 ngày 09 tháng 7 năm 1970 và các văn kiện quy định về chế độ cấp dưỡng các phò binh và gia đình tở sĩ
- Chiếu hồ sơ xin cấp dưỡng số 2503 ngày

NGHỊ-ĐỊNH

36 QCHT HQ
3777

D

Điều 1. Ông (Bà) **NGUYỄN THỊ AN**
Ngày và nơi sinh **1936 NACH GIA**
Địa chỉ **44/2 NGOC LOI NGOC CHUOC KIEN BINH KIEN GIANG**
Căn cước **06581133** cấp tại **AMEN GIANG 21-7-70**
Là (1) **CH/CHT** của **NGUYỄN VĂN HƯƠNG**
Đã (2)



Tên thân nhân được cấp dưỡng	Ngày sinh	Được hưởng đến
NGUYỄN THỊ HANG	23-2-57	22-1-75
NGUYỄN VĂN TRƯ	17-4-58	18-8-77
NGUYỄN VĂN TRACH	5-11-61	4-11-79
NGUYỄN VĂN LIEN	21-5-63	20-5-81
NGUYỄN VĂN CHUYEN	3-10-65	2-10-83
NGUYỄN THỊ SÁU	12-7-67	11-7-85

Tổng hưởng một khoản cấp dưỡng

CẤP DƯỠNG TÍNH THEO CẤP BẠC		NGÂN KHOẢN CẤP DƯỠNG	
(theo đơn vị)	Số thân nhân	(bằng số)	(bằng chữ)
Từ			
Từ			
20-7-71	6	7200	bằng hai ngàn hai trăm
Từ			
Từ			
Từ			
Từ			

Điều 2. Ủy Ban Văn Phòng, Tổng Thư Ký, Giám Đốc Nha Hưu Bổng và Cấp Dưỡng chiếu nhiệm vụ thi hành Nghị định này

28 Th.8. 1972

KÝ LÃNH TIỀN LẦN THỨ NHẤT

AGH-GRUON-NIA-TA-SON

028-76781-10M-VT-2503-72

khẩn trương hay công thêm

được lãnh



TỔNG TRƯỞNG CỤC CHIẾN BÍNH

06110200

Trung-TA CÁN-KHUÂN-GIANG

NĂM	1 tháng 1	1 tháng 4	1 tháng 7	1 tháng 10
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				
19				

CHỮ THÍCH DANH RIÊNG CHO SỞ CẤP ĐƯƠNG

- (1) Quả Phụ, Tò Phụ, Giám Hộ Cổ Nhì, Giám Hộ Quốc gia Nghĩa Từ hoặc chính Phế binh.
- (2) Tử trận, tử nạn, tử bệnh, mất tích hoặc xác nhận tàn phế.

Họ và tên _____

Ngày _____

Ký tên, _____

CHỨNG NHẬN GIAO NGHỊ ĐỊNH MAU Đ

và SỞ CẤP ĐƯƠNG GH/QGNT.6 3777 ngày 28-8-1972

Người nhận

Họ và tên _____

Căn cước số _____

Cấp ngày _____

NGUYỄN-THỊ-AN

06581133

21-7-70

Kiên-Giang

Ký tên hoặc điểm chỉ, _____

Người giao

Họ và tên _____

Cấp vụ _____

Kiên-Giang

NGUYỄN-KIM-HƯƠNG-ĐOÀ

TRƯNG-TY NỘI-AN QUÂN-VỤ

07-11-1972

Ký, _____

From: NGUYEN THI AN
Ap Ngoc Trung
Xa Ngoc Chuc
Huyen Giồng Rieng
KIEN GIANG VIET NAM

AR 840
NHAN

MAY BAY
PAR AVION

VIET-NAM
07 XII 89
333/0
SUU-CHIN
85 may

R 4 0 5

DEC 20 1989

TO : MRS KHUC MINH THO
PO. BOX 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0635
U. S. A.

83 gr 33.370 *etc*



Nguyễn Thị Ân
sinh năm 1938
Tại Bạc Liêu
hỏi cần cứu
06581133